

HỘI ĐỒNG NHÀ NƯỚC

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

LỆNH của Chủ tịch Hội đồng Nhà nước số 17-LCT/HĐNN8 ngày 17-4-1989 công bố Pháp lệnh Tổ chức điều tra hình sự.

HỘI ĐỒNG NHÀ NƯỚC
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA
VIỆT NAM

Căn cứ vào điều 100 của Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và các điều 92, 93 và 94 của Bộ Luật Tố tụng hình sự,

NAY CÔNG BỐ:

Pháp lệnh Tổ chức điều tra hình sự đã được Hội đồng Nhà nước thông qua ngày 4 tháng 4 năm 1989.

Hội đồng Nhà nước
nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam
Chủ tịch
VÔ CHÍ CÔNG

PHÁP LỆNH ngày 4-4-1989 Tổ chức điều tra hình sự.

Căn cứ vào điều 100 của Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ vào các điều 92, 93 và 94 của Bộ Luật Tố tụng hình sự;

Pháp lệnh này quy định tổ chức, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan điều tra hình sự, của các cơ quan khác được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra hình sự; nhiệm vụ, quyền hạn trong hoạt động điều tra hình sự của Bộ đội biên phòng, Hải quan và Kiểm lâm.

Điều 1. — Tổ chức cơ quan điều tra.

1. Các cơ quan điều tra theo Bộ Luật Tố tụng hình sự gồm có:

a) Cơ quan điều tra của Lực lượng Cảnh sát nhân dân;

b) Cơ quan điều tra của Lực lượng An ninh nhân dân;

c) Cơ quan điều tra trong Quân đội nhân dân;

d) Cơ quan điều tra của Viện Kiểm sát nhân dân.

2. Ngoài các cơ quan điều tra quy định tại khoản 1 điều này, trong Lực lượng Cảnh sát nhân dân, Lực lượng An ninh nhân dân và trong Quân đội nhân dân còn có các cơ quan khác được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra theo quy định của Pháp lệnh này.

Điều 2. — Nhiệm vụ của cơ quan điều tra.

1. Cơ quan điều tra tiến hành điều tra tất cả các tội phạm, áp dụng mọi biện pháp do Bộ Luật Tố tụng hình sự quy định để xác định tội phạm và người đã thực hiện hành vi phạm tội, lập hồ sơ, đề nghị truy tố; tìm ra nguyên nhân và điều kiện phạm tội, yêu cầu các cơ quan, tổ chức hữu quan áp dụng các biện pháp khác phục và ngăn ngừa.

2. Các cơ quan được quy định tại khoản 2, điều 1 của Pháp lệnh này, trong khi làm nhiệm vụ của mình mà phát hiện sự việc có dấu hiệu phạm tội thì tiến hành một số hoạt động điều tra nhằm kịp thời phát hiện tội phạm và người đã thực hiện hành vi phạm tội, chuyển hồ sơ cho cơ quan điều tra có thẩm quyền.

Điều 3. — Nguyên tắc hoạt động điều tra.

Hoạt động điều tra phải tôn trọng sự thật, tiến hành một cách khách quan, toàn diện và đầy đủ, làm rõ những chứng cứ xác định có tội và chứng cứ xác định vô tội, những tình tiết tăng nặng và tình tiết

giảm nhẹ trách nhiệm của bị can nhằm phát hiện chính xác, nhanh chóng mọi hành vi phạm tội, không để lọt tội phạm, không làm oan người vô tội.

Mọi hoạt động điều tra phải tuân theo pháp luật, chấp hành các nguyên tắc do Bộ Luật Tổ tụng hình sự quy định. Cơ quan điều tra cấp dưới chịu sự chỉ đạo của cơ quan điều tra cấp trên.

Điều 4. — Hoạt động điều tra của Bộ đội biên phòng, Hải quan và Kiểm lâm.

Đơn vị Bộ đội biên phòng, cơ quan Hải quan và cơ quan Kiểm lâm tiến hành điều tra theo quy định của điều 93 Bộ Luật Tổ tụng hình sự và các quy định tại chương V Pháp lệnh này.

Điều 5. — Trách nhiệm chấp hành các quyết định và yêu cầu của người tiến hành điều tra.

Các cơ quan, tổ chức hữu quan và công dân phải chấp hành những quyết định, yêu cầu của Thủ trưởng cơ quan điều tra, của điều tra viên, của Thủ trưởng và những cán bộ được phân công làm nhiệm vụ điều tra của các cơ quan khác được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra, của Thủ trưởng đơn vị Bộ đội biên phòng, Thủ trưởng cơ quan Hải quan, Thủ trưởng cơ quan Kiểm lâm và những cán bộ được giao nhiệm vụ điều tra của các cơ quan này trong khi tiến hành điều tra.

Các cơ quan, tổ chức hữu quan phải trả lời bằng văn bản về việc thực hiện các quyết định, yêu cầu đó.

Điều 6. — Kiểm sát hoạt động điều tra.

Viện Kiểm sát nhân dân kiểm sát việc tuân theo pháp luật, bảo đảm hoạt động điều tra của cơ quan điều tra, của các cơ quan khác được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra, của đơn vị Bộ đội biên phòng, cơ quan Hải quan và cơ quan Kiểm lâm phải tuân thủ các quy định của Bộ luật Tổ tụng hình sự và Pháp lệnh này.

Viện Kiểm sát phải phát hiện kịp thời những vi phạm pháp luật trong hoạt động điều tra và đề ra những biện pháp khắc phục.

Cơ quan điều tra, các cơ quan khác được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra, đơn vị Bộ đội biên phòng, cơ quan Hải quan và cơ quan Kiểm lâm phải thực hiện những yêu cầu, quyết định của Viện Kiểm sát.

Điều 7. — Việc tham gia của các tổ chức xã hội và của công dân trong hoạt động điều tra.

1. Mặt trận Tổ quốc, các thành viên của Mặt trận và công dân đều có quyền và nghĩa vụ tham gia các hoạt động điều tra theo quy định của Bộ Luật Tổ tụng hình sự.

2. Trong hoạt động điều tra, cơ quan điều tra, các cơ quan khác được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra, đơn vị Bộ đội biên phòng, cơ quan Hải quan và cơ quan Kiểm lâm phải dựa vào sự giúp đỡ của nhân dân, có trách nhiệm phối hợp và tạo điều kiện thuận lợi để các tổ chức xã hội và công dân thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình.

3. Khi phát hiện những hành vi trái pháp luật trong hoạt động điều tra, các tổ chức xã hội và công dân có quyền kiến nghị, khiếu nại, tố cáo với Viện Kiểm sát nhân dân, với các cơ quan có thẩm quyền. Các cơ quan này có trách nhiệm xem xét, giải quyết và trả lời.

Chương II

NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN CỦA CƠ QUAN ĐIỀU TRA

MỤC A. CƠ QUAN ĐIỀU TRA VÀ CÁC CƠ QUAN KHÁC CỦA LỰC LƯỢNG ANH SÁT NHÂN DÂN ĐƯỢC GIAO NHIỆM VỤ TIẾN HÀNH MỘT SỐ HOẠT ĐỘNG ĐIỀU TRA.

Điều 8. — Thẩm quyền điều tra của cơ quan điều tra và các cơ quan khác của

Lực lượng Cảnh sát nhân dân được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra.

Cơ quan điều tra và các cơ quan khác của Lực lượng Cảnh sát nhân dân được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra, điều tra tất cả các tội phạm quy định tại các chương từ chương II đến chương X phần Các tội phạm của Bộ Luật Hình sự, trừ những tội phạm thuộc thẩm quyền điều tra của cơ quan điều tra của Lực lượng An ninh nhân dân, cơ quan điều tra trong Quân đội nhân dân và những trường hợp do cơ quan điều tra của Viện Kiểm sát nhân dân tiến hành điều tra. Đối với các tội phạm quy định tại các điều 94, 95, 96 và 97 của Bộ Luật Hình sự, việc phân công trách nhiệm điều tra giữa các cơ quan điều tra của Lực lượng Cảnh sát nhân dân và Lực lượng An ninh nhân dân do Bộ trưởng Bộ Nội vụ quyết định.

Điều 9. — Nhiệm vụ, quyền hạn điều tra của cơ quan điều tra của Lực lượng Cảnh sát nhân dân.

Cục điều tra của Lực lượng Cảnh sát nhân dân điều tra các tội phạm quy định tại điều 8 của Pháp lệnh này, khi thấy cần trực tiếp điều tra.

Phòng điều tra của Lực lượng Cảnh sát nhân dân cấp tỉnh điều tra các tội phạm quy định tại điều 8 của Pháp lệnh này, khi các tội phạm đó thuộc thẩm quyền xét xử của Tòa án nhân dân cấp tỉnh và các tội phạm thuộc thẩm quyền điều tra của cơ quan điều tra cấp dưới, nhưng xét thấy cần trực tiếp tiến hành điều tra.

Đội điều tra của Lực lượng Cảnh sát nhân dân cấp huyện điều tra các tội phạm quy định tại điều 8 của Pháp lệnh này, khi các tội phạm đó thuộc thẩm quyền xét xử của Tòa án nhân dân cấp huyện.

Điều 10. — Nhiệm vụ, quyền hạn điều tra của các cơ quan khác của Lực lượng Cảnh sát nhân dân được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra.

Các Cục Cảnh sát trực tiếp đấu tranh chống tội phạm kinh tế và các tội xâm

phạm trật tự, an toàn xã hội; các Phòng Cảnh sát trực tiếp đấu tranh chống tội phạm kinh tế và các tội xâm phạm trật tự, an toàn xã hội, ban giám thị trại tạm giam ở cấp tỉnh và trại giam, trong khi làm nhiệm vụ của mình mà phát hiện sự việc có dấu hiệu phạm tội quy định tại điều 8 của Pháp lệnh này đến mức phải truy cứu trách nhiệm hình sự thì ra quyết định khởi tố vụ án theo quy định của Bộ Luật Tố tụng hình sự, lấy lời khai, khám xét, thu giữ, bảo quản vật chứng và tài liệu liên quan trực tiếp đến vụ án; khi xét cần ngăn chặn ngay việc người có hành vi phạm tội chạy trốn, tiêu hủy chứng cứ hoặc tiếp tục thực hiện tội phạm thì tạm giữ ngay người đó và xin ngay lệnh bắt khẩn cấp của cơ quan có thẩm quyền; trong thời hạn 6 ngày, kể từ ngày ra quyết định khởi tố vụ án phải chuyển hồ sơ vụ án cho cơ quan điều tra có thẩm quyền của Lực lượng Cảnh sát nhân dân.

MỤC B. CƠ QUAN ĐIỀU TRA VÀ CÁC CƠ QUAN KHÁC CỦA LỰC LƯỢNG AN NINH NHÂN DÂN ĐƯỢC GIAO NHIỆM VỤ TIẾN HÀNH MỘT SỐ HOẠT ĐỘNG ĐIỀU TRA.

Điều 11. — Thẩm quyền điều tra của cơ quan điều tra và các cơ quan khác của Lực lượng An ninh nhân dân được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra.

Cơ quan điều tra và các cơ quan khác của Lực lượng An ninh nhân dân được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra có thẩm quyền điều tra:

a) Các tội xâm phạm an ninh quốc gia, các tội phá hoại hòa bình chống loài người và tội phạm chiến tranh quy định tại chương I và chương XII phần Các tội phạm của Bộ Luật Hình sự, trừ những tội phạm thuộc thẩm quyền điều tra của cơ quan điều tra trong Quân đội nhân dân. Đối với những tội phạm quy định tại các điều 94, 95, 96 và 97 của Bộ Luật Hình sự thì việc phân

ông trách nhiệm điều tra giữa các cơ quan điều tra của Lực lượng Cảnh sát nhân dân và Lực lượng An ninh nhân dân do Bộ trưởng Bộ Nội vụ quyết định.

b) Các tội phạm mà người thực hiện là cán bộ, chiến sĩ An ninh nhân dân.

Điều 12. — Nhiệm vụ, quyền hạn điều tra của cơ quan điều tra của Lực lượng An ninh nhân dân.

Cục điều tra của Lực lượng An ninh nhân dân điều tra các tội phạm quy định tại điều 11 của Pháp lệnh này, khi thấy cần trực tiếp điều tra.

Phòng điều tra của Lực lượng An ninh nhân dân cấp tỉnh điều tra các tội phạm quy định tại điều 11 của Pháp lệnh này, trừ những tội phạm quy định tại chương XII phần Các tội phạm của Bộ Luật Hình sự và những tội phạm do Cục điều tra của Lực lượng An ninh nhân dân trực tiếp điều tra.

Điều 13. — Nhiệm vụ, quyền hạn điều tra của các cơ quan khác trong Lực lượng An ninh nhân dân được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra.

Các Cục của Lực lượng An ninh nhân dân và các Phòng của Lực lượng An ninh nhân dân cấp tỉnh trực tiếp đấu tranh chống các tội xâm phạm an ninh quốc gia, trong khi làm nhiệm vụ của mình mà phát hiện sự việc có dấu hiệu phạm tội quy định tại điều 11 của Pháp lệnh này đến mức phải truy cứu trách nhiệm hình sự thì ra quyết định khởi tố vụ án theo quy định của Bộ Luật Tố tụng hình sự; lấy lời khai, khám xét, thu giữ, bảo quản vật chứng và tài liệu liên quan trực tiếp đến vụ án; khi xét cần ngăn chặn ngay việc người có hành vi phạm tội chạy trốn, tiêu hủy chứng cứ hoặc tiếp tục thực hiện tội phạm thì tạm giữ ngay người đó và xin ngay lệnh bắt khẩn cấp của cơ quan có thẩm quyền; trong thời hạn 6 ngày, kể từ ngày ra quyết định khởi tố vụ án phải chuyển hồ sơ vụ án cho cơ quan điều tra

có thẩm quyền của Lực lượng An ninh nhân dân.

Đội an ninh ở cấp huyện trong khi làm nhiệm vụ của mình mà phát hiện sự việc có dấu hiệu tội xâm phạm an ninh quốc gia thì tiến hành ngay việc truy bắt người có hành vi phạm tội chạy trốn; lấy lời khai, thu giữ, bảo quản vật chứng và tài liệu liên quan trực tiếp đến vụ án, và báo ngay cho Phòng điều tra của Lực lượng An ninh nhân dân cấp tỉnh.

MỤC C. CƠ QUAN ĐIỀU TRA TRONG QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN

Điều 14. — Tổ chức cơ quan điều tra trong Quân đội nhân dân.

Cơ quan điều tra trong Quân đội nhân dân gồm có:

Cục điều tra hình sự ở Bộ Quốc phòng, Phòng điều tra hình sự ở Tổng cục, Quân khu, Quân chủng, Binh chủng và cấp tương đương, Ban điều tra hình sự ở Bộ chỉ huy quân sự tỉnh và cấp tương đương, Cục an ninh Quân đội ở Bộ Quốc phòng và Phòng an ninh quân đội ở Tổng cục, Quân khu, Quân chủng, Binh chủng và cấp tương đương.

Điều 15. — Thẩm quyền điều tra của cơ quan điều tra trong Quân đội nhân dân.

Các cơ quan điều tra hình sự trong Quân đội nhân dân căn cứ vào thẩm quyền xét xử của các Tòa án quân sự, tiến hành điều tra các tội phạm quy định tại các chương từ chương II đến chương XI phần Các tội phạm của Bộ Luật Hình sự, trừ những trường hợp do cơ quan điều tra của Viện Kiểm sát quân sự, Cục an ninh quân đội, Phòng an ninh quân đội và cơ quan điều tra của Lực lượng An ninh nhân dân điều tra.

Cục An ninh quân đội và các Phòng An ninh quân đội căn cứ vào thẩm quyền xét xử của các Tòa án quân sự, tiến hành điều tra các tội xâm phạm an ninh quốc gia, các tội phá hoại hòa bình, chống loài

người vi tội phạm chiến tranh quy định tại chương I, chương XII và các tội phạm quy định tại các điều 256, 257, 262, 263 và 269 của Bộ Luật Hình sự, trừ các tội phạm mà người thực hiện là cán bộ, chiến sĩ An ninh nhân dân.

Điều 16. — Nhiệm vụ, quyền hạn điều tra của các cơ quan khác trong Quân đội nhân dân được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra.

Khi phát hiện những hành vi phạm tội quy định tại điều 15 của Pháp lệnh này, xảy ra trong khu vực đóng quân của đơn vị, thì Thủ trưởng đơn vị độc lập cấp Trung đoàn, Lữ đoàn có quyền tiến hành một số hoạt động điều tra: lập biên bản phạm tội quả tang, lấy lời khai, thu giữ, bảo quản vật chứng và tài liệu liên quan trực tiếp đến vụ án, trong những trường hợp quy định tại điều 63 của Bộ Luật Tố tụng hình sự thì có quyền ra lệnh bắt khẩn cấp, khám xét; chuyển ngay hồ sơ cho cơ quan điều tra có thẩm quyền.

MỤC D. CƠ QUAN ĐIỀU TRA CỦA VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN

Điều 17. — Tổ chức cơ quan điều tra của Viện Kiểm sát nhân dân và Viện Kiểm sát quân sự.

Cơ quan điều tra của Viện Kiểm sát nhân dân gồm có Cục điều tra thuộc Viện Kiểm sát nhân dân tối cao và Phòng điều tra thuộc Viện Kiểm sát nhân dân cấp tỉnh; Phòng điều tra thuộc Viện Kiểm sát quân sự trung ương và Ban điều tra thuộc Viện Kiểm sát quân sự ở Tổng cục, Quân khu, Quân chủng và cấp tương đương.

Điều 18. — Thẩm quyền điều tra của cơ quan điều tra của Viện Kiểm sát nhân dân.

1. Cục điều tra của Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Phòng điều tra của Viện Kiểm sát nhân dân cấp tỉnh điều tra trong những trường hợp sau đây, khi Viện

trưởng Viện Kiểm sát nhân dân xét thấy cần thiết:

a) Khi phát hiện trong hoạt động điều tra có những hành vi vi phạm pháp luật nghiêm trọng;

b) Khi tiến hành kiểm sát việc tuân theo pháp luật phát hiện những vụ phạm tội rõ ràng mà xét thấy không cần thiết phải chuyển cho cơ quan điều tra khác;

c) Khi phát hiện tội phạm trong hoạt động tư pháp.

Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao có thể giao cho cơ quan điều tra của Viện Kiểm sát điều tra trong những trường hợp khác.

2. Phòng điều tra của Viện Kiểm sát quân sự trung ương, Ban điều tra của Viện Kiểm sát quân sự ở Tổng cục, Quân khu, Quân chủng và cấp tương đương điều tra những trường hợp quy định tại khoản 1 điều này, nếu vụ án đó thuộc thẩm quyền xét xử của Tòa án quân sự.

Chương III

QUAN HỆ PHÂN CÔNG VÀ PHỐI HỢP TRONG HOẠT ĐỘNG ĐIỀU TRA

Điều 19. — Quan hệ giữa cơ quan điều tra và các cơ quan khác trong hoạt động điều tra.

Quan hệ giữa cơ quan điều tra với các cơ quan khác được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra là quan hệ phân công và phối hợp nhằm phát hiện kịp thời tội phạm và người phạm tội.

Các yêu cầu bằng văn bản của cơ quan điều tra phải được các cơ quan khác được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra nghiêm chỉnh thực hiện.

Các cơ quan khác được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra, sau khi khởi tố vụ án, áp dụng các biện pháp

ngăn chặn theo thẩm quyền phải gửi ngay các quyết định đó cho Viện Kiểm sát và thông báo cho cơ quan điều tra cùng cấp biết.

Đối với sự việc có dấu hiệu phạm tội mà chưa rõ thẩm quyền điều tra thì cơ quan điều tra nào phát hiện trước phải tiến hành ngay các biện pháp điều tra theo quy định của Bộ Luật Tổ tụng hình sự và của Pháp lệnh này; khi đã xác định thẩm quyền thì chuyển giao ngay cho cơ quan điều tra có thẩm quyền.

Các đơn vị Cảnh sát nhân dân, đơn vị Kiểm soát quân sự có trách nhiệm hỗ trợ và thực hiện các yêu cầu của Thủ trưởng cơ quan điều tra, của điều tra viên và của Thủ trưởng các cơ quan khác được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra.

Điều 20. — Ủy thác điều tra.

Khi cần thiết, cơ quan điều tra có thể ủy thác cho cơ quan điều tra khác thực hiện một số hoạt động điều tra. Cơ quan điều tra được ủy thác có trách nhiệm thực hiện đầy đủ việc được ủy thác.

Trong trường hợp cơ quan điều tra được ủy thác không thể thực hiện được từng phần hoặc toàn bộ việc ủy thác thì phải báo ngay bằng văn bản, nêu rõ lý do cho cơ quan điều tra đã ủy thác biết.

Điều 21. — Giải quyết tranh chấp về thẩm quyền điều tra.

Khi có tranh chấp về thẩm quyền điều tra giữa các cơ quan điều tra thuộc các ngành khác nhau thì Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân cùng cấp, nơi tội phạm xảy ra hoặc nơi phát hiện tội phạm, giải quyết. Khi có tranh chấp về thẩm quyền điều tra giữa các cơ quan điều tra cùng ngành ở cấp nào thì Thủ trưởng quản lý cấp đó giải quyết.

Chương IV

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN ĐIỀU TRA VÀ ĐIỀU TRA VIÊN

Điều 22. — Nhiệm vụ, quyền hạn của Thủ trưởng và Phó thủ trưởng cơ quan điều tra.

Thủ trưởng cơ quan điều tra là người chịu trách nhiệm trực tiếp tổ chức và chỉ đạo mọi hoạt động điều tra của cơ quan điều tra; có quyền ra quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can; quyết định áp dụng, thay đổi hoặc hủy bỏ biện pháp ngăn chặn, truy nã bị can, khám xét, thay đổi điều tra viên theo quy định của Bộ Luật tố tụng hình sự; trực tiếp tiến hành điều tra; quyết định tạm đình chỉ hoặc đình chỉ điều tra. Khi cần thiết, Thủ trưởng cơ quan điều tra có thể ủy nhiệm cho Phó thủ trưởng thực hiện các quyền hạn của mình.

Phó thủ trưởng cơ quan điều tra có những quyền hạn quy định tại các điều 58, 62, 63, 68, 70, 116 và 121 của Bộ Luật tố tụng hình sự.

Ở cấp huyện, Trưởng công an làm nhiệm vụ Thủ trưởng Đội điều tra, Phó trưởng công an phụ trách công tác điều tra là Phó thủ trưởng Đội điều tra của Lực lượng Cảnh sát nhân dân.

Điều 23. — Bổ nhiệm Thủ trưởng, Phó thủ trưởng cơ quan điều tra.

Người có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt, trung thực, khách quan, có trình độ đại học an ninh, cảnh sát, pháp lý hoặc tương đương, có nghiệp vụ điều tra, có kinh nghiệm tổ chức, chỉ đạo hoạt động điều tra có thể được bổ nhiệm làm Thủ trưởng, Phó thủ trưởng cơ quan điều tra.

Việc bổ nhiệm và cấp giấy chứng nhận Thủ trưởng, Phó thủ trưởng cơ quan điều tra ở cấp trung ương trong mỗi ngành do Thủ trưởng ngành quyết định.

Việc bổ nhiệm và cấp giấy chứng nhận Thủ trưởng, Phó thủ trưởng cơ quan điều

tra các cấp ở địa phương của mỗi ngành do Thủ trưởng ngành quyết định, theo đề nghị của Thủ trưởng cơ quan điều tra cấp trên trực tiếp.

Điều 24. — Nhiệm vụ, quyền hạn của điều tra viên.

Khi được phân công điều tra một phần hoặc toàn bộ vụ án, điều tra viên có quyền tiến hành các biện pháp điều tra do Bộ Luật tố tụng hình sự quy định và phải chịu trách nhiệm về những hoạt động điều tra của mình.

Đối với những biện pháp điều tra thuộc thẩm quyền của Thủ trưởng cơ quan điều tra thì điều tra viên có quyền kiến nghị với Thủ trưởng cơ quan điều tra quyết định. Trong trường hợp không nhất trí với quyết định của Thủ trưởng cơ quan điều tra thì điều tra viên vẫn phải chấp hành quyết định đó, nhưng có quyền khiếu nại lên Thủ trưởng cơ quan điều tra cấp trên. Trong thời hạn 10 ngày, Thủ trưởng cơ quan điều tra cấp trên phải trả lời khiếu nại của điều tra viên.

Trong khi tiến hành hoạt động điều tra, điều tra viên được ưu tiên mua vé đi lại bằng các phương tiện giao thông công cộng, được miễn cước phí giao thông trong thành phố, thị xã. Trong trường hợp cấp thiết, để ngăn chặn hành động phạm tội, đuổi bắt người phạm tội, cấp cứu người bị nạn, điều tra viên được sử dụng các phương tiện giao thông, thông tin liên lạc của các cơ quan Nhà nước, tổ chức xã hội và tư nhân, kể cả những người điều khiển phương tiện ấy, trừ các phương tiện của cơ quan ngoại giao và phải hoàn trả ngay khi tình huống cấp thiết không còn. Nếu các phương tiện bị hư hỏng hoặc bị mất thì cơ quan điều tra hữu quan có trách nhiệm bồi thường.

Điều 25. — Bổ nhiệm điều tra viên.

Người có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt, trung thực, khách quan, có kiến thức pháp luật cần thiết và có khả năng thực hiện nhiệm vụ điều tra có thể được bổ nhiệm làm điều tra viên.

Điều tra viên có 3 bậc : Cao cấp, trung cấp và sơ cấp.

Điều tra viên cao cấp phải có trình độ đại học an ninh, cảnh sát, pháp lý hoặc tương đương, có trình độ nghiên cứu tổng hợp đề xuất biện pháp phòng và chống tội phạm, có kinh nghiệm điều tra các vụ án thuộc loại tội nghiêm trọng, phức tạp, có năng lực chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra các hoạt động điều tra.

Điều tra viên trung cấp phải có trình độ đại học an ninh, cảnh sát, pháp lý hoặc tương đương, có kinh nghiệm điều tra các vụ án thuộc loại tội nghiêm trọng, phức tạp, có khả năng hướng dẫn, kiểm tra các hoạt động điều tra.

Điều tra viên sơ cấp phải có trình độ trung học an ninh, cảnh sát, pháp lý hoặc tương đương và có khả năng điều tra các vụ án thuộc loại ít nghiêm trọng.

Việc bổ nhiệm và cấp giấy chứng nhận điều tra viên do Thủ trưởng cơ quan quản lý từ cấp tỉnh và cấp quân khu trở lên quyết định theo đề nghị của Thủ trưởng cơ quan điều tra cùng cấp.

Cấp ra quyết định bổ nhiệm có quyền miễn nhiệm điều tra viên.

Điều 26. — Thủ trưởng và cán bộ của các cơ quan khác được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra.

Thủ trưởng, Phó thủ trưởng và cán bộ của các cơ quan khác được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra phải là người có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt, trung thực, khách quan, có kinh nghiệm điều tra, có kiến thức từ trung học an ninh, cảnh sát, pháp lý hoặc tương đương trở lên.

Thủ trưởng, Phó thủ trưởng các cơ quan khác được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra có quyền tiến hành những biện pháp điều tra quy định tại điều 10 và điều 13 của Pháp lệnh này và phải tuân theo các quy định của Bộ Luật Tố tụng hình sự và Pháp lệnh này; phân

ông và chỉ đạo cán bộ dưới quyền thực hiện một số hoạt động điều tra.

Cán bộ được phân công điều tra phải chịu trách nhiệm về việc làm của mình.

Chương V

NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN CỦA BỘ ĐỘI BIÊN PHÒNG, HẢI QUAN VÀ KIỂM LÂM TRONG HOẠT ĐỘNG ĐIỀU TRA

Điều 27. — Nhiệm vụ, quyền hạn của đơn vị Bộ đội biên phòng trong hoạt động điều tra.

1. Các đơn vị Bộ đội biên phòng trong khi làm nhiệm vụ của mình mà phát hiện hành vi xâm phạm an ninh quốc gia đến mức phải truy cứu trách nhiệm hình sự quy định tại chương I phần Các tội phạm và tội phạm quy định tại điều 179 của Bộ Luật Hình sự xảy ra trong khu vực biên giới, bờ biển, hải đảo và trên các vùng biển do Bộ đội biên phòng quản lý, có quyền:

a) Đối với hành vi phạm tội quả tang, chứng cứ rõ ràng, ít nghiêm trọng thì ra quyết định khởi tố vụ án, tiến hành khám xét, xét cần ngăn chặn ngay việc người có hành vi phạm tội chạy trốn thì tạm giữ người đó; lấy lời khai, thu giữ, bảo quản vật chứng và tài liệu liên quan trực tiếp đến vụ án; khi cần thiết, trưng cầu giám định, khởi tố bị can; hoàn thành và chuyển hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày ra quyết định khởi tố vụ án.

b) Đối với hành vi phạm tội nghiêm trọng, phức tạp thì tiến hành khám nghiệm hiện trường, ra quyết định khởi tố vụ án, bắt khẩn cấp, khám xét, ra lệnh tạm giữ người trong những trường hợp quy định tại điều 63 của Bộ Luật Tố tụng hình sự; lấy lời khai, thu giữ, bảo quản vật chứng và tài liệu liên quan trực tiếp đến vụ án, chuyển hồ sơ vụ án cho cơ quan điều tra có thẩm quyền trong thời hạn 7 ngày, kể từ ngày ra quyết định khởi tố vụ án.

2. Cục trưởng, Phó cục trưởng Cục trinh sát biên phòng, Chỉ huy trưởng, Phó chỉ huy trưởng Bộ đội biên phòng cấp tỉnh, Trưởng đồn, Phó trưởng đồn có quyền áp dụng các biện pháp điều tra quy định tại khoản 1 điều này, trực tiếp điều tra hoặc phân công cán bộ điều tra và phải chịu trách nhiệm về các hoạt động của mình.

Những cán bộ được phân công tiến hành điều tra phải chịu trách nhiệm về những hoạt động điều tra mà mình đã thực hiện.

Điều 28. — Nhiệm vụ, quyền hạn của Hải quan trong hoạt động điều tra.

1. Cơ quan Hải quan khi thực hiện nhiệm vụ trong lĩnh vực quản lý của mình mà phát hiện hành vi phạm tội buôn lậu hoặc vận chuyển trái phép hàng hóa, tiền tệ qua biên giới đến mức phải truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định tại điều 97 của Bộ Luật Hình sự, có quyền:

a) Đối với hành vi phạm tội quả tang, chứng cứ rõ ràng, ít nghiêm trọng thì ra quyết định khởi tố vụ án, lấy lời khai, thu giữ, bảo quản vật chứng và tài liệu liên quan trực tiếp đến vụ án; xét cần ngăn chặn ngay việc người có hành vi phạm tội chạy trốn thì tạm giữ ngay người đó và xin ngay lệnh tạm giữ của cơ quan có thẩm quyền; khám xét người, khám nơi ở và trụ trong khu vực kiểm soát của Hải quan do Hội đồng Bộ trưởng quy định; khi cần thiết, trưng cầu giám định, khởi tố bị can; hoàn thành và chuyển hồ sơ vụ án cho Viện Kiểm sát trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày ra quyết định khởi tố vụ án.

b) Đối với hành vi thuộc loại tội nghiêm trọng, phức tạp thì ra quyết định khởi tố vụ án, lấy lời khai, thu giữ, bảo quản vật chứng và tài liệu liên quan trực tiếp đến vụ án, khi xét cần ngăn chặn ngay việc người có hành vi phạm tội chạy trốn thì tạm giữ ngay người đó và xin ngay lệnh bắt khẩn cấp của cơ quan có thẩm quyền; khám xét người, khám nơi ở và trụ trong khu vực

kiểm soát của Hải quan do Hội đồng Bộ trưởng quy định; chuyển hồ sơ vụ án cho cơ quan điều tra có thẩm quyền trong thời hạn 7 ngày, kể từ ngày ra quyết định khởi tố vụ án.

2. Cục trưởng, Phó Cục trưởng Cục kiểm soát, Cục giám quản của Tổng cục Hải quan, Giám đốc, Phó giám đốc Hải quan cấp tỉnh, trưởng Hải quan cửa khẩu được Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan chỉ định, có quyền áp dụng các biện pháp điều tra quy định tại khoản 1 điều này, trực tiếp điều tra hoặc phân công cán bộ điều tra và phải chịu trách nhiệm về những hoạt động điều tra của mình.

Những cán bộ được phân công làm nhiệm vụ điều tra phải chịu trách nhiệm về hoạt động điều tra mà mình đã thực hiện.

Điều 29. — Nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan Kiểm lâm trong hoạt động điều tra.

1. Cơ quan Kiểm lâm khi thực hiện nhiệm vụ trong lĩnh vực quản lý của mình mà phát hiện hành vi phạm tội quy định tại các điều 181, 194, và 216 của Bộ Luật Hình sự đến mức phải truy cứu trách nhiệm hình sự, có quyền:

a) Đối với những hành vi phạm tội quả tang, chứng cứ rõ ràng, ít nghiêm trọng thì ra quyết định khởi tố vụ án, lấy lời khai, thu giữ, bảo quản vật chứng và tài liệu liên quan trực tiếp đến vụ án, ra quyết định khởi tố bị can, hoàn thành và chuyển hồ sơ vụ án cho Viện Kiểm sát trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày ra quyết định khởi tố vụ án.

b) Đối với hành vi thuộc loại tội nghiêm trọng, phức tạp thì khởi tố vụ án, lấy lời khai, thu giữ, bảo quản vật chứng và tài liệu liên quan trực tiếp đến vụ án; chuyển hồ sơ vụ án cho cơ quan điều tra có thẩm quyền trong thời hạn 7 ngày, kể từ ngày ra quyết định khởi tố vụ án.

2. Cục trưởng, Phó cục trưởng Cục Kiểm lâm, Chi cục trưởng, Phó chi cục

trưởng Chi cục Kiểm lâm cấp tỉnh, Hạ trưởng hạt Kiểm lâm có quyền áp dụng các biện pháp điều tra quy định tại khoản 1 điều này; trực tiếp điều tra hoặc phân công cán bộ điều tra và phải chịu trách nhiệm về những hoạt động điều tra của mình.

Những cán bộ được phân công tiến hành điều tra phải chịu trách nhiệm về các hoạt động điều tra mà mình đã thực hiện.

Điều 30. — Giải quyết tranh chấp về thẩm quyền điều tra.

Khi có tranh chấp về thẩm quyền điều tra giữa đơn vị Bộ đội biên phòng, cơ quan Hải quan, cơ quan Kiểm lâm thì Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân cùng cấp, nơi xảy ra vụ án, quyết định.

Trong trường hợp cần thiết, cơ quan điều tra có thẩm quyền có quyền yêu cầu đơn vị Bộ đội biên phòng, cơ quan Hải quan và cơ quan Kiểm lâm chuyển giao ngay hồ sơ vụ án để trực tiếp điều tra. Các yêu cầu của cơ quan điều tra có giá trị bắt buộc thi hành đối với đơn vị Bộ đội biên phòng, cơ quan Hải quan và cơ quan Kiểm lâm.

Chương VI

ĐIỀU KHOẢN CUỐI CÙNG

Điều 31. — Pháp lệnh này có hiệu lực kể từ ngày 1 tháng 6 năm 1989.

Điều 32. — Hội đồng Bộ trưởng, Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao có trách nhiệm tổ chức thi hành Pháp lệnh này.

T.M. Hội đồng Nhà nước
nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam
VÔ CHÍ CÔNG